

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/KDTM-ST
Ngày: 22-4-2024

*“V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Dũng
2. Bà Trần Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà H Mi Chan Niê – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2023/TLST-KDTM, ngày 19 tháng 10 năm 2023, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST-KDTM ngày 14 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/QĐST-KDTM, ngày 01/4/2024; giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Công ty cổ phần B.

Đại diện theo Pháp luật: Ông Phạm Ngọc T. Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Lô A, Đường D, khu Công nghiệp T, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

Địa chỉ liên lạc: C12/21, Quốc Lộ A, xã T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Quản Đình G. Chức vụ: trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần B. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số A P, phường B, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

+ **Bị đơn:** Ông Nguyễn Mạnh C – C Kinh Doanh Đ (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số A P, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và lời khai của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Quản Đình G trình bày:

Giữa Công ty cổ phần B và hộ kinh doanh Đại lý T3 có ký các hợp đồng sau: Hợp đồng mua bán phân bón và thuốc BVTV, ngày 01/01/2017; 01 Hợp đồng mua bán phân bón và thuốc BVTV, ngày 01/01/2018. Quá trình mua bán giữa hai bên hàng năm có lập Bản đối chiếu công nợ. Sau đó, phía Hộ kinh doanh Đại lý Tân Cường T1 không tiếp tục làm ăn với phía Công ty và cũng không thanh toán hết các khoản nợ với Công ty cổ phần B.

Công ty cổ phần B khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Mạnh C trả nợ tiền hàng mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật với số tiền là : 951.951.146 Đồng ; trong đó tiền hàng gốc là: 809.826.581 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 01/6/2021 đến ngày 31/8/2023 theo mức lãi suất 0,65%/tháng là: 142.124.565 đồng (Chín trăm lăm mươi một triệu, chín trăm lăm mươi một ngàn, một trăm bốn sáu đồng). Tại buổi làm việc hôm nay, phía Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện không yêu cầu tính lãi nữa.

Quá trình ký kết và mua bán diễn ra như sau :

Năm 2017:

Thực hiện hợp đồng mua bán phân bón và thuốc BVTV số 16/HĐ/BĐ-MK/2017 ngày 01 tháng 01 năm 2017 đã thực hiện giao dịch phát sinh số liệu như sau :

Số dư công nợ cuối năm 2016 chuyển qua đầu năm 2017 là: 508.059.800 đồng.

Số phát sinh nợ mua mới tháng 01 đến 12 năm 2017 là: 449.403.400 đồng

Số đã thanh toán từ tháng 01 đến 12 năm 2017 là: 91.500.000 đồng

Tổng cộng số công nợ đến ngày 31/12/2017 là: 865.963.200 đồng.

Năm 2018 :

Thực hiện hợp đồng mua bán phân bón và thuốc BVTV số 53/HĐ/BĐ-MK/2018 ngày 01 tháng 01 năm 2018 đã thực hiện giao dịch phát sinh số liệu như sau:

Số dư công nợ cuối năm 2017 chuyển qua đầu năm 2018 là : 865.963.200 đồng.

Số phát sinh nợ mua mới tháng 01 đến 12 năm 2018 là: 185.053.250 đồng.

Số đã thanh toán từ tháng 01 đến 12 năm 2018 là: 64.850.000 đồng.

Tổng cộng số công nợ đến ngày 31/12/2018 là: 986.166.450 đồng

Sau đó, ông Nguyễn Mạnh C đã thanh toán được cho Công ty

176.339.869 đồng. Còn nợ lại 809.826.581 đồng

Việc T3 do Ông Nguyễn Mạnh C làm chủ hộ đã bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 40A8012298 ngày 30/09/2019 không trả nợ đã gây rất nhiều khó khăn và làm thiệt hại cho Công ty Cổ Phần B. Do vậy, Công ty Cổ Phần B làm đơn này kính đề nghị Quý Tòa xem xét và giải quyết yêu cầu cho Công ty cổ phần B như sau: Buộc ông Nguyễn Mạnh C phải trả Công ty cổ phần B số tiền nợ gốc : 809.826.581 đồng. Công ty không yêu cầu tính lãi.

Mặc dù Bị đơn ông Nguyễn Mạnh C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp việc kiểm tra giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông Nguyễn Mạnh C vắng mặt, không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, Bị đơn ông Nguyễn Mạnh C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa,

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình trong quá trình tham gia tố tụng; Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyên đơn Công ty cổ phần B: Buộc Buộc ông Nguyễn Mạnh C trả cho Công ty cổ phần B số tiền mua hàng còn nợ là 809.826.581 đồng.

+ Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ xuất phát từ Hợp đồng mua bán hàng hóa nên HĐXX xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa. Bị đơn ông Nguyễn Mạnh C có địa chỉ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số A P, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Mạnh C – Chủ Hộ kinh doanh Đại lý Tân Cường T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt

Bị đơn ông Nguyễn Mạnh C là đảm bảo đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại Đơn khởi kiện: Công ty cổ phần B khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Mạnh C trả nợ tiền hàng mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật với số tiền là: 951.951.146 Đồng; trong đó tiền hàng gốc là: 809.826.581 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 01/6/2021 đến ngày 31/8/2023 theo mức lãi suất 0,65%/tháng là: 142.124.565 đồng. (Chín trăm năm mươi một triệu, chín trăm năm mươi một ngàn, một trăm bốn sáu đồng).

Quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu ông Nguyễn Mạnh C trả nợ tiền hàng mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật với số tiền là 809.826.581 đồng và không yêu cầu tính lãi. Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu. Căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự: HĐXX chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

Giữa Công ty cổ phần B và hộ kinh doanh Đại lý T3 có ký các hợp đồng sau: Hợp đồng mua bán phân bón và thuốc BVTV, ngày 01/01/2017; Hợp đồng mua bán phân bón và thuốc BVTV, ngày 01/01/2018.

Theo các hợp đồng nói trên, thì bên A (Bên bán) Công ty Cổ phần B cho bên B (Bên mua) Hộ kinh doanh Đại lý Tân Cường T1 - Do ông Nguyễn Mạnh C - Chủ hộ kinh doanh phân phối các sản phẩm Dầu trầu Amica NaNo Plus do Công ty Cổ phần B quản lý tại thị trường: Tỉnh Đắk Nông, Đắk Lắk và Gia Lai (Riêng Hữu cơ sinh học BIO-LAND phân phối tại địa bàn tỉnh Đắk Lắk).

Theo đó, các bên thỏa thuận về loại hàng mua bán chứ không thỏa thuận mua bán giá cả, khối lượng là bao nhiêu. Quá trình mua bán giữa hai bên hàng năm có lập Bản đối chiếu công nợ.

Theo Hợp đồng mua bán hàng hóa nói trên, có chữ ký, đóng dấu của Bên bán là Công ty cổ phần B; chữ ký của bên mua hộ kinh doanh Đại lý T3 do ông Nguyễn Mạnh C làm chủ.

Phía bên bán là Công ty cổ phần B và bên mua là H kinh doanh đại lý Tân Cường T1 do ông Nguyễn Mạnh C là Đại diện hộ kinh doanh đã thực hiện đối chiếu công nợ với nhau. Theo Biên bản đối chiếu công nợ năm 2018 thì số công nợ đến ngày 31/12/2018 là: 986.166.450 đồng. Sau đó, ông Nguyễn Mạnh C đã thanh toán được cho Công ty 176.339.869 đồng. Còn nợ lại 809.826.581 đồng.

Công ty Cổ phần B đã nhiều lần yêu cầu Đại lý Tân Cường T1 thanh toán nhưng vào ngày 30/9/2019 UBND thành phố B đã có Quyết định số 40A801298, về việc: “Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh” của Đại Lý Tân Cường T1. Vì vậy, Công ty B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Mạnh C có trách nhiệm trả số tiền 809.826.581 đồng.

Theo Kết luận giám định số 223/KL-KTHS, ngày 01/02/2024, kết luận:

Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Mạnh C trên tài liệu cần giám định kí hiệu từ A1 đến A3 so với chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Mạnh C trên tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M1, M2 do cùng một người ký và viết ra.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện niêm yết theo đúng quy định nhưng phía ông Nguyễn Mạnh C không có ý kiến phản hồi, không có mặt để tham gia tố tụng. Do vậy, ông Nguyễn Mạnh C đã từ chối cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Như vậy, đã có đủ cơ sở để xác định ông Nguyễn Mạnh C còn nợ tiền mua bán phân bón và thuốc bảo vệ thực vật của Công ty cổ phần B số tiền là 809.826.581 đồng.

Tại Điều II của Hợp đồng mua bán phân bón và thuốc BVTV, ngày 01/01/2017 và Hợp đồng mua bán phân bón và thuốc BVTV, ngày 01/01/2018 có nội dung: Bên B thanh toán 100% giá trị lô hàng cho Bên A ngay khi mua hàng (Khi bên A xuất hóa đơn tài chính) bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản. Nếu bên B thanh toán trễ hạn thì bên B sẽ phải chịu phạt. Nhưng từ khi đối chiếu công nợ là ngày 31/8/2018 đến nay, phía ông Nguyễn Mạnh C mới thanh toán được 176.339.869 đồng. Còn nợ lại 809.826.581 đồng. Như vậy, ông Nguyễn Mạnh C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 50 và Điều 55 Luật Thương mại 2005.

HĐXX cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần B: Buộc ông Nguyễn Mạnh C phải thanh toán số tiền còn nợ là 809.826.581 đồng.

[4] Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên không đề cập giải quyết.

[5] Về chi phí trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết:

- Về chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 6.300.000đ; Do kết quả giám định chứng minh yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên bị đơn ông Nguyễn Mạnh C phải chịu chi phí giám định là 6.300.000đ, Công ty Cổ phần B được nhận lại số tiền trên sau khi thu được của ông C là phù hợp quy định tại Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Xét quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột là có căn cứ cần chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 430, Điều 433, Điều 434, Điều 440, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 24, Điều 50, Điều 55, Điều 306 Luật Thương mại năm

2005;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Công ty cổ phần B.

- Buộc ông Nguyễn Mạnh C thanh toán cho Công ty cổ phần B số tiền là 809.826.581đ (T2 trăm lẻ chín triệu tám trăm hai mươi sáu nghìn năm trăm tám mươi một đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

3. Về chi phí trưng cầu giám định chữ ký:

- Về chi phí giám định chữ ký, chữ viết: Ông Nguyễn Mạnh C phải chịu chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 6.300.000đ (Sáu triệu ba trăm nghìn đồng), Công ty Cổ phần B không phải chịu chi phí giám định chữ ký, chữ viết và được nhận lại số tiền 6.300.000đ (Sáu triệu ba trăm nghìn đồng) tạm ứng chi phí đã nộp sau khi thu được của ông Nguyễn Mạnh C.

4. Về án phí:

- Buộc ông Nguyễn Mạnh C phải chịu 36.295.097 đồng tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Công ty Cổ phần B không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm, được nhận lại 20.279.000đ (Hai mươi triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2022/0004765 ngày 16/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ nơi đương sự cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. Buôn Ma Thuột;

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

- Chi cục THADS TP. Buôn Ma Thuật;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

Nguyễn Thị Loan